

Số: /KH-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2026

## KẾ HOẠCH

### Triển khai thực hiện Đề án 06 giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

Thực hiện Quyết định số 826/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình “Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia (Đề án 06) giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035”; Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện với các nội dung như sau:

#### I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

##### 1. Mục đích

- Bám sát các văn bản chỉ đạo của Trung ương và Chính phủ, tiếp tục kế thừa, phát huy hiệu quả các kết quả tích cực từ Đề án 06 giai đoạn 2022 - 2025; đồng thời khắc phục những tồn tại, hạn chế; đẩy mạnh ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035.

- Tổ chức triển khai đồng bộ, hiệu quả Chương trình Đề án 06 giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh, gắn với đẩy mạnh ứng dụng dữ liệu dân cư, căn cước, định danh và xác thực điện tử phục vụ giải quyết thủ tục hành chính (TTHC), phát triển kinh tế số, xã hội số và công dân số; góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; cải cách hành chính.

- Khắc phục những nhiệm vụ còn tồn đọng trong năm 2025 tại Kế hoạch số 55/KH-UBND ngày 31/3/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 14/3/2025 của Thủ tướng Chính phủ “đẩy mạnh triển khai Đề án 06 tại bộ, ngành, địa phương năm 2025 và những năm tiếp theo” trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

- Huy động sự vào cuộc đồng bộ của cả hệ thống chính trị các cấp, phát huy cao quyết tâm chính trị, trách nhiệm gương mẫu, chỉ đạo sâu sát, quyết liệt của người đứng đầu các sở, ban, ngành, địa phương, tổ chức chính trị - xã hội; tham gia tích cực của tổ chức, doanh nghiệp và người dân để tiếp tục thực hiện hiệu quả Đề án 06 trên địa bàn tỉnh theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

##### 2. Yêu cầu

- Triển khai thống nhất, đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở; xác định chỉ tiêu, nhiệm vụ, lộ trình thực hiện cụ thể, tổ chức phân công trách nhiệm rõ ràng; đồng thời thực hiện có trọng tâm, trọng điểm, gắn với cơ chế kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ, đơn đốc hiệu quả tiến độ thực hiện các nhiệm vụ được giao.

- Bám sát định hướng của Trung ương, các Chiến lược phát triển kinh tế số, Chiến lược dữ liệu quốc gia, Chiến lược an ninh mạng và các văn bản chỉ đạo, chương trình, đề án quốc gia khác liên quan, vận hành Chương trình Đề án 06 giai đoạn 2026 - 2030 theo nguyên tắc “5-3-3-2-1” (**5 trụ cột trọng tâm: Pháp lý, hạ tầng, dữ liệu, nguồn lực, an toàn - an ninh; triển khai ở 3 cấp chính quyền; hướng đến 3 giá trị cốt lõi: Văn minh xã hội, phát triển kinh tế, phòng chống tội phạm; 2 nhóm chủ thể đồng hành: Nhà nước kiến tạo và khu vực tư nhân chủ động sáng tạo; 1 quyết tâm chính trị cao độ của người đứng đầu trong toàn hệ thống**), bảo đảm tiến độ, chất lượng và hiệu quả thực chất.

- Thủ trưởng, người đứng đầu các đơn vị, địa phương phải nêu cao gương mẫu, quyết tâm cao, hành động nỗ lực đối với từng nhiệm vụ được giao, lựa chọn nguồn lực thực hiện hiệu quả; xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện bảo đảm nguyên tắc 6 rõ “*Rõ người, rõ việc, rõ thẩm quyền, rõ trách nhiệm, rõ thời gian, rõ kết quả*”, gắn với trách nhiệm chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, giám sát của người đứng đầu các đơn vị, địa phương.

- Lấy người dân và doanh nghiệp là trung tâm, mục tiêu, chủ thể, nguồn lực, động lực của chuyển đổi số. Mọi giải pháp, nền tảng, dịch vụ số cần hướng tới thuận tiện, dễ tiếp cận, an toàn, góp phần nâng cao sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp.

- Đảm bảo tập trung, thống nhất trong công tác chỉ đạo, điều hành; phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Phát huy tối đa nguồn lực, đầu tư phát triển hạ tầng số hiện đại, an toàn, liên thông, đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quốc tế, phù hợp xu hướng phát triển công nghệ mới.

- Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo mật dữ liệu và bảo vệ dữ liệu cá nhân theo đúng các quy định của pháp luật.

- Kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, xử lý các “điểm nghẽn”; cập nhật, bổ sung các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phù hợp với tình hình thực tế của địa phương và chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, của Tỉnh ủy, Tổ công tác triển khai Đề án 06, cải cách TTHC, chuyển đổi số gắn với Đề án 06 Trung ương.

## **II. MỤC TIÊU**

### **1. Mục tiêu tổng quát**

a) Thúc đẩy phát triển, ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử mạnh mẽ, toàn diện, sâu rộng trong mọi lĩnh vực để thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia, phục vụ hiệu quả các trụ cột Chính phủ số, Kinh tế số, Xã hội số góp phần thực hiện thành công các mục tiêu của Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, Nghị quyết 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện, Nghị

quyết 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX; Kế hoạch số 266-KH/TU ngày 26/4/2026 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

b) Đến năm 2030, hoàn thiện các nền tảng, tiện ích cốt lõi của Chương trình Đề án 06 giai đoạn 2026 - 2030, đảm bảo người dân, doanh nghiệp được thụ hưởng dịch vụ số thuận tiện, nhanh chóng, an toàn, không còn rào cản về giấy tờ, TTHC theo địa giới hành chính. Xây dựng thành công hệ sinh thái dữ liệu dân cư quốc gia kết nối liên thông đa ngành, dữ liệu “Đúng, Đủ, Sạch, Sống, Thống nhất, Dùng chung” được khai thác hiệu quả phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và yêu cầu quản trị, điều hành. Góp phần thực hiện mục tiêu đến năm 2030 Thanh Hóa nằm trong nhóm các tỉnh dẫn đầu cả nước về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

## **2. Mục tiêu cụ thể**

a) Giai đoạn từ năm 2026 đến năm 2030: theo phạm vi chức năng của địa phương, tập trung triển khai 06 nhóm mục tiêu cụ thể như sau: (1) Phục vụ giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công trực tuyến và đổi mới sáng tạo chỉ đạo, điều hành; (2) Thúc đẩy phát triển kinh tế số - xã hội số; (3) Phục vụ phát triển công dân số; (4) Mở rộng hạ tầng, hoàn thiện hệ sinh thái phục vụ tạo lập, kết nối, khai thác, bổ sung làm giàu dữ liệu; (5) Đảm bảo an sinh xã hội và phục vụ phòng, chống tội phạm, bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội; (6) Phục vụ nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo (*Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo Kế hoạch này*).

b) Tầm nhìn đến năm 2035: góp phần hướng tới xây dựng Việt Nam trở thành một quốc gia số phát triển bền vững, toàn diện, trong đó: Mọi giao dịch giữa người dân và chính quyền đều được thực hiện trên môi trường số. Các cơ sở dữ liệu quốc gia, với dữ liệu dân cư là hạt nhân, được kết nối, chia sẻ và sử dụng hiệu quả để phục vụ xây dựng Chính phủ thông minh, cho phép ra quyết định trên cơ sở dữ liệu thời gian thực. Người dân được thụ hưởng các dịch vụ số được cá nhân hóa, tự động, thuận tiện theo từng sự kiện cuộc đời. Dữ liệu và công nghệ số được ứng dụng sâu rộng trong mọi lĩnh vực: y tế, giáo dục, giao thông, nông nghiệp, tư pháp, an ninh... Đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được nâng cao nhờ các tiện ích số. Văn hóa số, kỹ năng số trở thành phổ cập trong toàn xã hội.

## **III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP, PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM**

Các sở, ban, ngành, UBND xã, phường căn cứ nội dung nhiệm vụ và phân công trách nhiệm được giao quán triệt tổ chức thực hiện nghiêm túc, kịp thời,

chất lượng, hiệu quả, bảo đảm theo lộ trình tiến độ đề ra (*Chi tiết tại Phụ lục II, Phụ lục III kèm theo Kế hoạch này*).

#### **IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch do ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp ngân sách hiện hành và các nguồn kinh phí hợp pháp khác. Hàng năm, căn cứ nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch, các sở, ban, ngành, địa phương liên quan có trách nhiệm lập dự toán kinh phí thực hiện Kế hoạch và tổng hợp chung vào dự toán của sở, ngành, địa phương mình để trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, thực hiện thẩm định sự cần thiết, nguyên tắc, tiêu chí, bảo đảm đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức và xác định dự kiến kinh phí đảm bảo phù hợp với quy định và tình hình thực tế đối với các nhiệm vụ công nghệ thông tin; thẩm định dự án công nghệ thông tin thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch UBND tỉnh.

3. Giao Sở Tài chính căn cứ kết quả thẩm định và khả năng cân đối ngân sách, tham mưu bố trí kinh phí đảm bảo cho các dự án, nhiệm vụ công nghệ thông tin theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công.

#### **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Chủ tịch UBND tỉnh, Trưởng Ban Chỉ đạo của UBND tỉnh về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 chỉ đạo, điều hành toàn diện hoạt động của Kế hoạch Đề án 06 giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035 trên địa bàn tỉnh.

2. Các đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo giúp UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp được quy định tại Kế hoạch này.

3. Tổ công tác triển khai Đề án 06; cải cách TTHC, chuyển đổi số gắn với Đề án 06 tỉnh: đôn đốc, hướng dẫn, tổ chức triển khai các nhiệm vụ tại Kế hoạch. Định kỳ hàng tháng, đột xuất tham mưu báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Tổ công tác triển khai Đề án 06; cải cách TTHC, chuyển đổi số gắn với Đề án 06 Trung ương tình hình, kết quả thực hiện tại địa phương, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện. Tổ công tác sử dụng bộ máy giúp việc là Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội - Công an tỉnh và được huy động chuyên gia để thực hiện nhiệm vụ được giao. Kinh phí hoạt động của Tổ công tác được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước cấp cho Công an tỉnh và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

#### **4. Các sở, ban, ngành, địa phương**

- Thủ trưởng các sở, ban, ngành và địa phương trực tiếp chỉ đạo tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả thực hiện; kết quả triển khai Kế hoạch là một trong những căn cứ đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu.

- Trên cơ sở các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp nêu tại Kế hoạch này và các nhiệm vụ cụ thể tại Phụ lục II ban hành kèm theo Kế hoạch, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện của sở, ban, ngành, địa phương; gửi Công an tỉnh và Văn phòng UBND tỉnh trước ngày **01/7/2026** để theo dõi, phối hợp;

- Chủ động đề xuất, bố trí kinh phí, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất cho việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Theo phạm vi chức năng, thực hiện các nhiệm vụ phục vụ xây dựng các Cơ sở dữ liệu quốc gia, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành bảo đảm đồng bộ, kết nối, chia sẻ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và Hệ thống định danh và xác thực điện tử.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn người dân trên địa bàn sử dụng các tiện ích của Đề án 06, coi đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng.

- Có trách nhiệm tự tổ chức kiểm tra, thanh tra trong phạm vi quản lý nhà nước được giao đối với việc triển khai các nhiệm vụ của Kế hoạch; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh và xử lý hoặc kiến nghị xử lý các vi phạm theo thẩm quyền. Đối với các nội dung thanh tra, kiểm tra mang tính liên ngành, thanh tra công vụ và đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch, thực hiện theo quy định.

- Chủ động nghiên cứu, triển khai các mô hình ứng dụng dữ liệu dân cư, căn cước, định danh điện tử theo phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Đánh giá mức độ hài lòng trong giải quyết TTHC, kiến nghị, phản ánh của người dân, doanh nghiệp trên ứng dụng VNeID và đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ được giao dựa trên kết quả chấm điểm trên phần mềm theo dõi giám sát Đề án 06 (dean06.vn) để phục vụ đánh giá tại các Phiên họp.

- Theo chức năng, chủ động tham mưu triển khai thực hiện các nội dung nhiệm vụ Đề án 06 khác theo hướng dẫn, chỉ đạo của bộ, ngành Trung ương ngành dọc có liên quan.

- Định kỳ trước ngày 10 hàng tháng báo cáo tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch theo chức năng, nhiệm vụ được giao về Công an tỉnh để tổng hợp, báo cáo theo yêu cầu.

## **5. Công an tỉnh**

- Là cơ quan thường trực tổ chức thực hiện Kế hoạch; thực hiện các nội dung nhiệm vụ phục vụ vận hành, khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, hệ thống định danh và xác thực điện tử; bảo đảm an ninh, an toàn, tính sẵn sàng cao của các hệ thống phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu theo chỉ đạo của Bộ Công an.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra việc triển khai Kế hoạch; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

- Tổng hợp, đánh giá tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch tại các sở, ban, ngành, địa phương; tham mưu báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Tổ công tác triển khai Đề án 06, cải cách TTHC, chuyển đổi số gắn với Đề án 06 Trung ương,

UBND tỉnh theo yêu cầu; đề xuất khen thưởng hoặc kiểm điểm trách nhiệm đối với tập thể, cá nhân triển khai chậm, không đạt yêu cầu.

**6. Văn phòng UBND tỉnh** phối hợp với Công an tỉnh tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch tại các sở, ban, ngành, địa phương, tham mưu báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Tổ công tác triển khai Đề án 06, cải cách TTHC, chuyển đổi số gắn với Đề án 06 Trung ương theo yêu cầu; phối hợp, tham mưu khen thưởng kịp thời tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, đồng thời phê bình những đơn vị chậm trễ, chưa hoàn thành nhiệm vụ được giao.

### **7. Sở Khoa học và Công nghệ**

- Chủ trì, phối hợp Công an tỉnh triển khai các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ liên quan đến dữ liệu dân cư, định danh điện tử theo phạm vi chức năng của địa phương, hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Tham mưu triển khai thực hiện Khung đánh giá, xếp hạng mức độ chuyển đổi số hàng năm cho các sở, ban, ngành, địa phương theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Chủ trì, thực hiện thẩm định sự cần thiết, nguyên tắc, tiêu chí, bảo đảm đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức và xác định dự kiến kinh phí đảm bảo phù hợp với quy định và tình hình thực tế đối với các nhiệm vụ công nghệ thông tin; thẩm định dự án công nghệ thông tin thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch UBND tỉnh.

### **8. Sở Tài chính**

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổng hợp, tham mưu, trình cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí kinh phí (bao gồm kinh phí chi thường xuyên và vốn đầu tư phát triển) phù hợp khả năng cân đối ngân sách địa phương để triển khai thực hiện các nhiệm vụ, dự án của Kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công.

- Thực hiện số hóa, xây dựng và cập nhật các cơ sở dữ liệu chuyên ngành tài chính thuộc phạm vi quản lý của địa phương; chủ trì, phối hợp với các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn (Thuế, Hải quan, Kho bạc Nhà nước) đảm bảo kết nối, chia sẻ dữ liệu về thu, chi ngân sách với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ quản lý điều hành và cung cấp dịch vụ công.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ thuộc Kế hoạch tại các đơn vị, địa phương, đảm bảo hiệu quả, đúng quy định của pháp luật và phòng, chống lãng phí.

### **9. Tòa án nhân dân tỉnh**

Phối hợp với Công an tỉnh và các đơn vị liên quan bám sát chỉ đạo của Tòa án nhân dân tối cao để nghiên cứu, triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Đề án 06 trong hoạt động của Tòa án nhân dân hai cấp trên địa bàn tỉnh; tập trung xây dựng Tòa án điện tử, triển khai phòng họp trực tuyến và thực hiện kết nối, chia

sẽ cơ sở dữ liệu bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ công tác quản lý và xét xử.

Yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, sở, ban, ngành, địa phương nghiêm túc triển khai thực hiện Kế hoạch này, chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về kết quả, tiến độ thực hiện, thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ thông tin báo cáo định kỳ, đột xuất theo yêu cầu và hướng dẫn của Cơ quan Thường trực. Quá trình triển khai thực hiện có khó khăn, vướng mắc báo cáo bằng văn bản gửi về UBND tỉnh (*qua Công an tỉnh*) để xem xét, giải quyết./.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Bộ Công an (V01, C06, C12) (để b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (để b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch và Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Thành viên Tổ CT Đề án 06 tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đơn vị, đoàn thể;
- UBND xã, phường;
- Lưu: VT, HCC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



---

**Cao Văn Cường**

**Phụ lục I****MỤC TIÊU CỤ THỂ PHÁT TRIỂN ĐỀ ÁN 06 GIAI ĐOẠN 2026 - 2030***(Kèm theo Kế hoạch số 210 /KH-UBND ngày 24 / 6 /2026 của UBND tỉnh Thanh Hóa)*

STT	MỤC TIÊU CỤ THỂ	ĐƠN VỊ TÍNH	MỤC TIÊU					ĐƠN VỊ THEO DÕI
			Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	
I	<b>Phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến và đổi mới sáng tạo chỉ đạo, điều hành</b>							
1.	Tỷ lệ dịch vụ công, thủ tục hành chính (TTHC) hoàn thành việc ban hành danh mục các trường thông tin cần cung cấp tương ứng với Hệ thống từ điển dữ liệu dùng chung để cắt giảm tự động khi đảm bảo dữ liệu.	%	50	60	70	75	80	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh
2.	Tỷ lệ dịch vụ công, TTHC được cắt giảm thành phần hồ sơ, giấy tờ khi thành phần hồ sơ, giấy tờ đã được tích hợp trên VNeID hoặc khi đáp ứng toàn trình về dữ liệu.	%	50	60	70	75	80	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Công an tỉnh
3.	Tỷ lệ dịch vụ công, TTHC được thông báo trạng thái, kết quả xử lý hồ sơ và đồng bộ kết quả trên VNeID.	%	50	60	70	75	100	Công an tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh

4.	Tỷ lệ cá nhân, doanh nghiệp có tài khoản định danh điện tử được cung cấp phương thức để nhận thông báo từ Cơ quan nhà nước và phản ánh kiến nghị với cơ quan nhà nước qua VNeID.	%	100	100	100	100	100	Công an tỉnh
5.	Tỷ lệ hồ sơ dịch vụ công trực tuyến trên tổng số hồ sơ dịch vụ công.	%	80	85	87	90	90	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh
6.	Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về dịch vụ công.	%	95					Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh
7.	Tích hợp hệ thống Trung tâm điều hành thông minh của tỉnh với hệ thống Trung tâm dữ liệu dân cư phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành.	%	100					Sở Khoa học và Công nghệ
8.	Tỷ lệ phổ cập địa chỉ số, định danh địa điểm đối với nhà ở và trụ sở cơ quan tổ chức.	%	-	-	-	-	100	Sở Xây dựng, Công an tỉnh
9.	Tỷ lệ các thủ tục hành chính, dịch vụ công được nộp hồ sơ “phi địa giới”.	%	100	100	100	100	100	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh
<b>II</b>	<b>Thúc đẩy phát triển kinh tế số - xã hội số</b>							
1.	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trong thực hiện dịch vụ công.	%	60	65	70	75	80	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh
2.	Tỷ lệ doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên các sàn thương mại điện tử được định danh điện tử và kết nối thông tin kinh doanh với cơ quan thuế để đảm bảo kê khai - nộp thuế minh bạch.	%	100					Sở Công Thương, Công an tỉnh

3.	Tỷ lệ khách hàng có thẻ định danh, xác thực bằng thẻ Căn cước và tài khoản VNeID khi sử dụng dịch vụ tài chính.	%	50	60	70	80	100	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh Khu vực 7.
4.	Tỷ lệ thông tin thuê bao di động được xác thực với CSDLQG về dân cư, căn cước hoặc định danh điện tử.	%	100					Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh.
5.	Tỷ lệ bệnh viện, trường học triển khai thanh toán không dùng tiền mặt; sử dụng thẻ căn cước thay thế thẻ BHYT, thẻ sinh viên.	%	50	60	70	80	90	Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo, Công an tỉnh.
6.	Tỷ lệ giao dịch thương mại điện tử và vận chuyển sử dụng dữ liệu địa điểm.	%	80	85	90	95	100	Sở Công Thương, Sở Xây dựng.
7.	Dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khai thác.	%	86	88	90	92	95	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh Khu vực 7.
8.	Tỷ lệ giao dịch thương mại điện tử sử dụng thanh toán điện tử	%	80				90	Sở Công Thương, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh Khu vực 7.
9.	Giá trị thanh toán không dùng tiền mặt đạt 30 lần GDP.	lần GDP	27	27,5	28	29	30	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh Khu vực 7.
10.	Tỷ lệ các ngành kinh tế ngành, lĩnh vực chuyển đổi số có ứng dụng dân cư, căn cước, định danh.	%	-	-	-	-	80	Công an tỉnh.

11.	Mở rộng mô hình sử dụng thẻ căn cước thay thẻ ngân hàng trên toàn tỉnh.	%	-	-	-	-	100	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh Khu vực 7.
12.	Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử liên thông, dùng thông nhất trong khám chữa bệnh.	%	-	-	-	-	100	Sở Y tế.
13.	Bảo đảm kết nối, chia sẻ, liên thông đồng bộ giữa các hệ thống: Hồ sơ sức khỏe điện tử, bệnh án điện tử, đơn thuốc điện tử và bảo hiểm y tế.	-	-	-	-	-	-	Sở Y tế.
14.	Mỗi người dân sẽ có một sổ sức khỏe điện tử cá nhân được theo dõi suốt vòng đời.	-	-	-	-	-	-	Sở Y tế.
<b>III</b>	<b>Phục vụ phát triển công dân số</b>							
1.	Đảm bảo mỗi công dân được cấp căn cước, có một danh tính điện tử duy nhất, an toàn và được pháp luật bảo vệ.	%	100	-	-	-	-	Công an tỉnh.
2.	Đảm bảo quyền của công dân trong việc kiểm soát, quản lý thông tin cá nhân và lịch sử hoạt động số trên nền tảng VNeID.	%	100	-	-	-	-	Công an tỉnh.
3.	Tỷ lệ người dân được cấp căn cước có tài khoản định danh điện tử mức độ 2.	%	≥80	85	90	95	100	Công an tỉnh.
4.	Cấp tài khoản định danh điện tử cho người nước ngoài đủ điều kiện.	%	80	85	90	95	100	Công an tỉnh.
5.	Số lượng tài khoản VNeID hoạt động thường xuyên.	%	40	45	50	60	70	Công an tỉnh.

6.	Tỷ lệ cán bộ cơ quan nhà nước được tập huấn kỹ năng số cơ bản	%	100	-	-	-	-	Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ
7.	Cung cấp học liệu và tổ chức khóa học trên nền tảng Bình dân học vụ số.	Học liệu/khóa học	Có	Có	Có	Có	Có	Công an tỉnh
8.	Hoàn thành phổ cập kỹ năng số cơ bản cho lực lượng lao động.	%	50	60	70	80	90	Sở Nội vụ
9.	Các chương trình phổ cập kỹ năng số, an toàn trong không gian mạng được đưa vào các trường học.	%	100	-	-	-	-	Sở Giáo dục và Đào tạo
10.	Tích hợp tài khoản an sinh xã hội trên VNeID.	%	100	-	-	-	-	Công an tỉnh
<b>IV</b>	<b>Mở rộng hạ tầng, hoàn thiện hệ sinh thái phục vụ tạo lập, kết nối, khai thác, bổ sung làm giàu dữ liệu</b>							
1.	Hoàn thành ban hành danh mục trường thông tin dữ liệu gốc, dữ liệu chủ, dữ liệu tham chiếu, trong đó đảm bảo cập nhật, đồng bộ danh mục lên hệ thống từ điển dữ liệu dùng chung; xác định cụ thể các trường thông tin tham chiếu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; danh tính điện tử của tổ chức, người nước ngoài.	Danh mục	Hoàn thành					Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh.
2.	Số hóa tạo lập dùng chung cho các Cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành được tạo lập qua hệ thống số hóa dùng chung, không yêu cầu công dân kê khai giấy.	%	≥50	≥55	≥60	≥70	≥80	Sở Khoa học và Công nghệ, Văn phòng UBND tỉnh, Công an tỉnh

3.	Tỷ lệ cá nhân, tổ chức doanh nghiệp được chủ động cung cấp thông tin của mình trên VNeID.	%	100	-	-	-	-	Công an tỉnh
4.	Xây dựng, hoàn thiện 12 cơ sở dữ liệu quốc gia trọng yếu để phục vụ cải cách thủ tục hành chính và tích hợp, kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo phạm vi chức năng của địa phương (02 CSDL: CSDL Hộ tịch và CSDL ngành giáo dục, đào tạo đã hoàn thành và sử dụng thường xuyên nên không đưa vào nhiệm vụ).	CSDL	Hoàn thành	-	-	-	-	Các sở, ngành, địa phương theo lĩnh vực được phân công
5.	Xây dựng, hoàn thiện CSDL quốc gia về đất đai.	CSDL	Hoàn thành và đưa vào sử dụng thường xuyên	-	-	-	-	Sở Nông nghiệp và Môi trường
6.	Xây dựng, hoàn thiện CSDL ngành nông nghiệp.	CSDL	Hoàn thành và đưa vào sử dụng thường xuyên	-	-	-	-	Sở Nông nghiệp và Môi trường
7.	Xây dựng, hoàn thiện CSDL quốc gia về tài chính.	CSDL	Hoàn thành và đưa vào sử dụng thường xuyên	-	-	-	-	Sở Tài chính

8.	Xây dựng, hoàn thiện CSDL quốc gia về hoạt động xây dựng.	CSDL	Hoàn thành và đưa vào sử dụng thường xuyên	-	-	-	-	Sở Xây dựng
9.	Xây dựng, hoàn thiện CSDL quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập.	CSDL	Hoàn thành và đưa vào sử dụng thường xuyên	-	-	-	-	Thanh tra tỉnh
10.	Xây dựng, hoàn thiện CSDL quốc gia về xử lý vi phạm hành chính.	CSDL	Hoàn thành và đưa vào sử dụng thường xuyên	-	-	-	-	Sở Tư pháp
11.	Xây dựng, hoàn thiện CSDL quốc gia về an sinh xã hội.	CSDL	Hoàn thành và đưa vào sử dụng thường xuyên	-	-	-	-	Sở Nội vụ
12.	Xây dựng, hoàn thiện CSDL ngành y tế.	CSDL	Hoàn thành và đưa vào sử dụng thường xuyên	-	-	-	-	Sở Y tế

13.	Xây dựng, hoàn thiện CSDL hàng hóa (hóa chất, tiền chất).	CSDL	Hoàn thành và đưa vào sử dụng thường xuyên	-	-	-	-	Sở Công Thương
14.	Xây dựng, hoàn thiện Cơ sở dữ liệu tổ chức Đảng, đảng viên, cán bộ công chức, viên chức.	CSDL	Hoàn thành và đưa vào sử dụng thường xuyên	-	-	-	-	Sở Nội vụ, Ban Tổ chức Tỉnh ủy
15.	Tỷ lệ dân số được phủ sóng mạng di động 5G.	%	60	70	80	90	100	Sở Khoa học và Công nghệ
<b>V</b>	<b>Đảm bảo an sinh xã hội và phục vụ phòng, chống tội phạm, bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội</b>							
1.	Tỷ lệ công dân có tài khoản hưởng an sinh xã hội.	%	50	60	70	80	100	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh Khu vực 7
2.	Tỷ lệ người hưởng trợ cấp, lương hưu nhận qua tài khoản an sinh xã hội.	%	100	-	-	-	-	Sở Nội vụ, Bảo hiểm xã hội tỉnh
3.	Tỷ lệ tội phạm sử dụng giấy tờ giả, danh tính giả giảm.	%	≥70	72	75	77	80	Công an tỉnh
4.	Tỷ lệ thông tin đối tượng vi phạm pháp luật có thể tra cứu qua Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.	%	100	-	-	-	-	Công an tỉnh

5.	Triển khai hệ thống camera phục vụ mô hình đô thị thông minh.	Hoàn thành	-	-	-	-	Hoàn thành	Sở Khoa học và Công nghệ
6.	Tham gia hoàn thành việc đồng bộ, kết nối, tích hợp cơ sở dữ liệu có liên quan phục vụ chi trả an sinh xã hội theo phạm vi chức năng của địa phương.	%	-	-	-	-	100	Sở Nội vụ
7.	Theo phạm vi chức năng của địa phương, An ninh trật tự trị an được bảo đảm, tội phạm lừa đảo giảm so với năm 2025.	%	-	-	-	-	50	Công an tỉnh
<b>VI</b>	<b>Phục vụ nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo</b>							
1.	Triển khai mô hình hợp tác 03 nhà: “Nhà nước - Nhà trường - Doanh nghiệp”.		Triển khai mô hình					Sở Khoa học và Công nghệ

**Chú thích:** Các nội dung mục tiêu có thể được bổ sung, điều chỉnh để phù hợp với tình hình thực tế, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của bộ ngành Trung ương.

**Phụ lục II**  
**DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**  
**PHÁT TRIỂN ĐỀ ÁN 06 GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 ĐỊA PHƯƠNG PHỐI HỢP**  
*(Kèm theo Kế hoạch số 210 /KH-UBND ngày 24/ 6 /2026 của UBND tỉnh Thanh Hóa)*

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả, sản phẩm
<b>I</b>	<b>Hoàn thiện chính sách, pháp luật về phát triển, cung cấp ứng dụng, dịch vụ số liên quan đến thông tin dân cư (03 nhiệm vụ)</b>				
1.	Tham gia góp ý xây dựng, sửa đổi các văn bản pháp lý có liên quan <sup>1</sup> theo chức năng của địa phương.	Bộ Công an	Công an tỉnh	Theo hướng dẫn của Bộ Công an	Văn bản tham gia ý kiến
2.	Phối hợp xây dựng Hệ thống Từ điển dữ liệu dùng chung.	Bộ Công an	Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh	Theo hướng dẫn của Bộ Công an	Hệ thống Từ điển dữ liệu dùng chung.
3.	Phối hợp tham gia sửa đổi các văn bản quy phạm, hướng dẫn bảo vệ an ninh dữ liệu, bí mật nhà nước, bảo vệ dữ liệu cá nhân. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát định kỳ hoặc đột xuất hạ tầng, ứng dụng theo quy định.	Bộ Công an	Công an tỉnh	Thực hiện thường xuyên	Các hệ thống tại địa phương được kiểm tra đảm bảo an ninh, an toàn

<sup>1</sup> Luật Xử lý vi phạm hành chính; Luật Cư trú để đảm bảo công tác quản lý cư trú trong tình hình mới; Luật Định danh và xác thực điện tử; Nghị quyết của Chính phủ về đấu giá tài sản công trực tuyến theo hình thức văn bản quy phạm pháp luật; Nghị quyết về phát triển Công dân số theo hình thức quy phạm pháp luật; Nghị định xử lý vi phạm hành chính lĩnh vực dữ liệu; Nghị định quy định hoạt động sản dữ liệu; Nghị định quy định về hoạt động định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa; Nghị định quy định về định danh địa điểm; Nghị định về cơ chế đột phá cho hoạt động của Trung tâm Sáng tạo, khai thác dữ liệu với các cơ chế ưu đãi cho các doanh nghiệp khởi nghiệp; Nghị định sửa đổi Nghị định 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Chính phủ Quy định về định danh và xác thực điện tử; văn bản quy phạm pháp luật quy định về định danh truy xuất nguồn gốc hóa chất, tiền chất; Nghị định sửa đổi Nghị định 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Chính phủ Quy định về định danh và xác thực điện tử; văn bản quy phạm pháp luật quy định về định danh truy xuất nguồn gốc hóa chất, tiền chất; Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược dữ liệu quốc gia;...

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả, sản phẩm
<b>II</b>	<b>Phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến (02 nhiệm vụ)</b>				
4.	Kết nối, tích hợp đăng nhập tài khoản định danh, đặc biệt tài khoản định danh tổ chức, người nước ngoài phục vụ dịch vụ công, giải quyết thủ tục hành chính.	Bộ Công an	Công an tỉnh	Tháng 12/2026	VNeID được tích hợp đăng nhập giải quyết TTHC cho tất cả các đối tượng
5.	Hướng dẫn việc kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị được thực hiện thống nhất thông qua nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu (NDOP).	Bộ Công an	Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ, Văn phòng UBND tỉnh	Thực hiện thường xuyên (hoàn thành việc kết nối trong năm 2026)	Dữ liệu giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị được thực hiện thống nhất thông qua nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu.
<b>III</b>	<b>Phục vụ phát triển kinh tế - xã hội (01 nhiệm vụ)</b>				
6.	Tổ chức cuộc thi “dữ liệu với cuộc sống – data for life” để khuyến khích đổi mới sáng tạo, xây dựng sản phẩm số.	Bộ Công an	Công an tỉnh	Thực hiện thường xuyên	Các sản phẩm đổi mới, sáng tạo hằng năm
<b>IV</b>	<b>Phục vụ phát triển công dân số (04 nhiệm vụ)</b>				
7.	Xây dựng phương án bố trí kinh phí triển khai xây dựng và duy trì nền tảng “Bình dân học vụ số”, kinh phí triển khai hỗ trợ tổ công nghệ số cộng đồng, mạng lưới đại sứ số, mô hình chợ số - nông thôn số, kinh phí tuyên truyền nâng cao kỹ năng số và kinh phí khác phục vụ triển khai phong trào “Bình dân học vụ số” và tuyên truyền phục vụ triển khai Đề án 06.	Bộ Tài chính	Sở Tài chính	Tháng 6/2026	Triển khai hiệu quả nền tảng Bình dân học vụ số

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả, sản phẩm
8.	Ban hành hướng dẫn chi tiết việc thực hiện chính sách miễn, giảm thuế, phí, lệ phí đối với công dân khi thực hiện dịch vụ số, thủ tục hành chính trực tuyến theo quy định.	Bộ Tài chính	Sở Tài chính	Tháng 02/2027	Hướng dẫn thực hiện chính sách
9.	Phát triển ứng dụng VNeID thành nền tảng số quốc gia đa tiện ích phục vụ chuyển đổi số, phát triển công dân số: (1) Lưu trữ dữ liệu số của công dân; (2) Định danh xác thực điện tử; (3) Thực hiện dịch vụ công trực tuyến và giải quyết thủ tục hành chính; (4) Liên kết tài khoản thanh toán, ví điện tử, thẻ ngân hàng, dịch vụ tiền di động trên ứng dụng VNeID để thực hiện thanh toán, chi trả an sinh xã hội; (5) Là kênh giao tiếp chính thức, đảm bảo an toàn, bảo mật, hiệu quả giữa người dân với Nhà nước, người dân với doanh nghiệp, và người dân với người dân; (6) Các tiện ích khác.	Bộ Công an	Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Tư pháp, Sở Nội vụ, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công thương, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh KV 7, các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có liên quan	Đánh giá theo các mốc năm 2027, 2030	Hệ thống VNeID được nâng cấp đảm bảo triển khai thực hiện.

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả, sản phẩm
10.	Triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu để triển khai Sổ sức khỏe điện tử, Giấy chuyển tuyến, Giấy hẹn khám lại trên ứng dụng định danh quốc gia VNeID.	Bộ Y tế; Bộ Công an	Sở Y tế	Tháng 6/2026	Chia sẻ dữ liệu y tế
<b>V</b>	<b>Mở rộng hạ tầng, hoàn thiện hệ sinh thái phục vụ tạo lập, kết nối, khai thác, bổ sung làm giàu dữ liệu (03 nhiệm vụ)</b>				
11.	Triển khai và ứng dụng nền tảng chuỗi khối quốc gia.	Bộ Công an	Sở Khoa học và công nghệ	Tháng 3/2028	Hoàn thành kết nối, thử nghiệm, khai thác theo hướng dẫn của Bộ Công an.
12.	Phối hợp trong việc nghiên cứu xây dựng hệ thống định danh phi tập trung quốc gia	Bộ Công an	Công an tỉnh	Tháng 3/2028	Hoàn thành các nội dung phối hợp theo yêu cầu của Bộ Công an.
13.	Phối hợp trong việc nghiên cứu xây dựng nền tảng quốc gia về định danh, xác thực, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa	Bộ Công an	Công an tỉnh	Tháng 3/2028	Hoàn thành các nội dung phối hợp theo yêu cầu của Bộ Công an.
<b>VI</b>	<b>Phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành (05 nhiệm vụ)</b>				
14.	Rà soát, cấp đầy đủ chữ ký số cá nhân cho lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức theo quy định để xử lý công việc trên môi trường điện tử; cung cấp triển khai các giải pháp bảo mật thông tin thuộc phạm vi bí mật nhà nước theo quy định.	Ban Cơ yếu Chính phủ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Thực hiện thường xuyên	Lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức được cấp chữ ký số trên môi trường điện tử và được sử dụng giải pháp, sản phẩm bảo mật của Ban Cơ yếu Chính phủ.

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả, sản phẩm
15.	Nghiên cứu ứng dụng dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo trong phân tích dữ liệu dân cư, phát triển công cụ phân tích, dự báo phục vụ công tác chỉ đạo điều hành.	Bộ Công an	Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ, và các đơn vị có liên quan	Tháng 1/2028	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Công cụ phân tích, dự báo ứng dụng dữ liệu lớn (Big Data), AI hỗ trợ cảnh báo sớm vấn đề xã hội.</li> <li>+ Cơ chế chia sẻ kết quả phân tích, thống kê theo bộ dữ liệu chuyên đề cho các bộ, ngành, địa phương.</li> <li>+ Thí điểm chia sẻ dữ liệu phục vụ các lĩnh vực phòng chống thiên tai, phòng chống dịch bệnh, an ninh trật tự.</li> </ul>
16.	Nghiên cứu, xây dựng và triển khai các mô hình dự báo biến động dân số, di cư, nhu cầu dịch vụ công dựa trên dữ liệu thực tế.	Bộ Công an	Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ, và các đơn vị có liên quan	Tháng 1/2028	Bộ công cụ phân tích, báo cáo thông minh; bản đồ số dân cư tích hợp dữ liệu nhân khẩu, hộ gia đình, phân bố địa lý phục vụ quản lý và điều hành phát triển KT-XH vùng, miền.
17.	Nghiên cứu phát triển công cụ phân tích, báo cáo thông minh và bản đồ số dân cư phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ.	Bộ Công an	Sở Khoa học và Công nghệ, Văn phòng UBND tỉnh và các đơn vị có liên quan	Tháng 1/2028	Bộ công cụ phân tích, báo cáo thông minh; bản đồ số dân cư tích hợp dữ liệu nhân khẩu, hộ gia đình, phân bố địa lý phục vụ quản lý và điều hành phát triển KT-XH vùng, miền.

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả, sản phẩm
18.	Xây dựng Khung đánh giá, xếp hạng mức độ chuyên đổi số hàng năm cho các bộ, ngành, địa phương trong đó bổ sung các tiêu chí về mức độ mở dữ liệu, chia sẻ dữ liệu và cung cấp dịch vụ số cho người dân, doanh nghiệp.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ	Thực hiện thường xuyên	Bộ Chỉ số đánh giá mức độ chuyên đổi số của các đơn vị
<b>VIII</b>	<b>Bảo đảm an toàn, an ninh hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các hệ thống, nền tảng kết nối (02 nhiệm vụ)</b>				
19.	Phối hợp nghiên cứu, đề xuất triển khai các Trung tâm giám sát an ninh mạng, an ninh dữ liệu gắn với các Trung tâm dữ liệu và hệ thống của cơ quan nhà nước.	Bộ Công an	Công an tỉnh	Tháng 12/2026	Hệ thống giám sát an ninh mạng đi vào hoạt động
20.	Phối hợp nghiên cứu đề xuất nâng cấp, mở rộng quy mô, phạm vi, năng lực toàn diện cho các giải pháp bảo đảm an ninh mạng tiên tiến, hiện đại tại Trung tâm dữ liệu quốc gia về dân cư, hướng tới đạt chứng chỉ quốc tế ISO 27001.	Bộ Công an	Công an tỉnh	Tháng 6/2028	Hệ thống tại Trung tâm dữ liệu quốc gia về dân cư được nâng cấp, triển khai đáp ứng
<b>IX</b>	<b>Hợp tác quốc tế (01 nhiệm vụ)</b>				
21.	Tăng cường hợp tác quốc tế về an toàn thông tin, an ninh mạng, chuyển đổi số để chia sẻ thông tin, kinh nghiệm và công nghệ với các tổ chức, quốc gia khác.	Bộ Công an	Công an tỉnh	Thực hiện thường xuyên	Biên bản hợp tác, tổ chức học tập kinh nghiệm

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả, sản phẩm
<b>X</b>	<b>Thanh tra, kiểm tra, giám sát (05 nhiệm vụ)</b>				
22.	Thanh tra, kiểm tra việc kết nối, chia sẻ, sử dụng dữ liệu liên quan đến dữ liệu dân cư giữa các Bộ, ngành, địa phương, đảm bảo sử dụng đúng mục đích và đúng quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo vệ bí mật nhà nước.	Bộ Công an	Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ	Thực hiện thường xuyên	Báo cáo kết quả kiểm tra định kỳ hằng năm
23.	Thanh tra công vụ, kiểm tra đối với cán bộ, công chức, viên chức trong giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công.	Bộ Nội vụ, Thanh tra Chính phủ, Bộ Công an	Công an tỉnh, Sở Nội vụ, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Thực hiện thường xuyên	Báo cáo kết quả kiểm tra định kỳ hằng năm
24.	Thanh tra, kiểm tra việc kết nối, chia sẻ dữ liệu liên quan đến dữ liệu dân cư giữa các Bộ, ngành, địa phương, đảm bảo tuân thủ quy định về bảo mật và khai thác dữ liệu.	Bộ Nội vụ	Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ	Thực hiện thường xuyên	Báo cáo kết quả kiểm tra định kỳ hằng năm
25.	Tổ chức thanh tra, kiểm tra, đánh giá công tác bảo đảm an ninh mạng của cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức chủ quản các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trong và ngoài nhà nước có kết nối, khai thác dịch vụ dữ liệu dân cư và định danh - xác thực điện tử.	Bộ Công an	Công an tỉnh	Thực hiện thường xuyên	Các hệ thống được kiểm tra đảm bảo an ninh, an toàn

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả, sản phẩm
26.	Đánh giá mức độ hài lòng trong giải quyết thủ tục hành chính, kiến nghị, phản ánh của người dân, doanh nghiệp trên ứng dụng VNeID và đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ được giao dựa trên kết quả chấm điểm trên phần mềm theo dõi giám sát Đề án 06 (dean06.vn) để đánh giá tại các Phiên họp Thường kỳ Chính phủ hàng tháng	Bộ Công an	Công an tỉnh hoặc Văn phòng UBND tỉnh theo dõi, tổng hợp kết quả địa phương	Thực hiện thường xuyên	Chỉ số đánh giá mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp

**Phụ lục III**  
**DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**  
**PHÁT TRIỂN ĐỀ ÁN 06 GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 DO ĐỊA PHƯƠNG CHỦ TRÌ THỰC HIỆN**  
*(Kèm theo Kế hoạch số 210/KH-UBND ngày 24/ 6 /2026 của UBND tỉnh Thanh Hóa)*

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả, sản phẩm
<b>I</b>	<b>Hoàn thiện chính sách, pháp luật về phát triển, cung cấp ứng dụng, dịch vụ số liên quan đến thông tin dân cư</b>				
1.	Chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp rà soát các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước được phân công đề xuất sửa đổi, bổ sung để khuyến khích phát triển công dân số.	Các sở, ngành, địa phương theo lĩnh vực quản lý nhà nước chủ trì rà soát..	Sở Tư pháp	Tháng 3/2027	Báo cáo rà soát, danh mục văn bản kiến nghị sửa đổi, dự thảo văn bản thuộc thẩm quyền địa phương
<b>II</b>	<b>Phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến</b>				
1.	Triển khai trí tuệ nhân tạo AI, Trợ lý ảo để hỗ trợ dịch vụ công, thủ tục hành chính.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ và UBND cấp xã	Theo tiến độ của Bộ Công an (Tháng 9/2026)	Trợ lý ảo được tích hợp trên VNeID và Cổng dịch vụ Công quốc gia..
2.	Nghiên cứu đề xuất giải pháp “Trạm công dân số” tại các địa điểm công cộng, cơ quan hành chính và trung tâm dịch vụ theo phạm vi chức năng của địa phương.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Sở Tư pháp, Sở Khoa học và công nghệ; Y tế; các sở, ban, ngành liên quan; UBND xã, phường	Quý III/2026	Giải pháp “Trạm công dân số” được đưa vào triển khai phổ cập.

<b>STT</b>	<b>Nhiệm vụ</b>	<b>Cơ quan chủ trì</b>	<b>Cơ quan phối hợp</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>	<b>Kết quả, sản phẩm</b>
3.	Nghiên cứu giải pháp phân cấp, ủy quyền, cắt giảm thủ tục hành chính các cấp.	Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Tháng 6/2026	Quyết định phân cấp/ủy quyền
4.	Đảm bảo 100% thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến, thông suốt, hiệu quả; 100% thủ tục hành chính không bị giới hạn bởi địa giới hành chính cấp tỉnh.	Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Thực hiện thường xuyên	Danh mục 100% TTHC đủ điều kiện thực hiện trực tuyến toàn trình; Báo cáo kết quả tỷ lệ hồ sơ phát sinh trực tuyến hằng quý
5.	Nâng cao mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về dịch vụ công.	Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; UBND cấp xã	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Thực hiện thường xuyên	Chỉ số hài lòng của người dân, doanh nghiệp.
6.	Tiếp tục thực hiện các giải pháp nhằm tăng tỷ lệ tiếp nhận, giải quyết các Dịch vụ công trực tuyến đảm bảo hiệu quả, đúng tiến độ.	Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; UBND cấp xã	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Thực hiện thường xuyên	Tỷ lệ đạt trên 85%.
<b>III</b>	<b>Phục vụ phát triển kinh tế - xã hội</b>				
1.	Ban hành danh mục nền tảng, sản phẩm số thuộc ngành, lĩnh vực tích hợp, ứng dụng dữ liệu dân cư, căn cước, định danh và xác thực điện tử.	Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh.	Tháng 3/2027	Danh mục nền tảng, sản phẩm số từng ngành, lĩnh vực tại địa phương được ban hành, bảo đảm tích hợp và ứng dụng dữ liệu dân cư, căn cước, định danh.

<b>STT</b>	<b>Nhiệm vụ</b>	<b>Cơ quan chủ trì</b>	<b>Cơ quan phối hợp</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>	<b>Kết quả, sản phẩm</b>
2.	Nghiên cứu “Bản sao số” dựa trên Cơ sở dữ liệu định danh địa điểm, gắn với dữ liệu dân cư và danh tính điện tử, gắn với dữ liệu camera, các cảm biến hình thành mô hình thành phố thông minh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường và các sở, ngành có liên quan.	Tháng 01/2030	Mô hình thành phố thông minh được triển khai, đi vào vận hành.
3.	Phần đầu tỷ lệ chi trả qua tài khoản cho các đối tượng hưởng chính sách an sinh xã hội; lương hưu, trợ cấp Bảo hiểm xã hội qua tài khoản... đạt 100% và duy trì thường xuyên.	Sở Y tế; Bảo hiểm xã hội, Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực 7	Công an tỉnh, Sở Tài chính	Hoàn thành trong tháng 6/2026 duy trì thường xuyên	Tỷ lệ chi trả đạt 100%.
<b>IV</b>	<b>Phục vụ phát triển công dân số</b>				
1.	Khẩn trương tích hợp các tài liệu, học liệu phục vụ công tác đào tạo, tập huấn trên nền tảng Bình dân học vụ số.	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Sở Nội vụ, Sở Khoa và Công nghệ, Công an tỉnh	Thực hiện thường xuyên	Học liệu về các lĩnh vực được tích hợp lên nền tảng Bình dân học vụ số.
2.	Triển khai các khóa đào tạo công dân số trên nền tảng “bình dân học vụ số” tại địa phương.	Các sở, ngành, UBND cấp xã	Sở Nội vụ, Sở Khoa và Công nghệ, Công an tỉnh	Thực hiện thường xuyên	Các khóa đào tạo trên nền tảng học tập trực tuyến.

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả, sản phẩm
3.	Bố trí ngân sách ưu tiên hỗ trợ thiết bị phục vụ phát triển kỹ năng số cho cán bộ, công chức cũng như người dân. Tăng cường, đẩy mạnh tuyên truyền các chính sách miễn giảm thuế, phí hỗ trợ người yếu thế.	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Sở Tài chính; Khoa học và công nghệ, Công an tỉnh	Thực hiện thường xuyên	Người yếu thế được hưởng các chính sách miễn giảm thuế, phí trong các hoạt động đời sống xã hội.
4.	Phối hợp với các cơ quan, đơn vị địa phương rà soát, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, ban hành Nghị quyết quy định mức thu (giảm hoặc miễn) phí, lệ phí đối với các hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến thuộc thẩm quyền quyết định của địa phương nhằm khuyến khích người dân, doanh nghiệp tham gia chuyển đổi số.	Sở Tài chính	Các sở, ngành, UBND cấp xã	Sau khi Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 24/6/2025 hết hiệu lực	Nghị quyết của HĐND tỉnh
5.	Phối hợp với các cơ quan, đơn vị địa phương tổ chức thực hiện kịp thời các chính sách miễn, giảm thuế đối với tổ chức, cá nhân tham gia cung cấp và sử dụng dịch vụ số theo quy định pháp luật.	Thuế tỉnh	Các sở, ngành, UBND cấp xã	Sau khi Bộ Tài chính có hướng dẫn	Hướng dẫn thực hiện chính sách tại địa phương.
<b>V</b>	<b>Mở rộng hạ tầng, hoàn thiện hệ sinh thái phục vụ tạo lập, kết nối, khai thác, bổ sung làm giàu dữ liệu</b>				

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả, sản phẩm
1.	Ban hành trường thông tin dữ liệu gốc, dữ liệu chủ, dữ liệu tham chiếu, trong đó đảm bảo cập nhật, đồng bộ danh mục lên Hệ thống từ điển dữ liệu dùng chung; xác định cụ thể các trường thông tin tham chiếu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; danh tính điện tử của tổ chức, người nước ngoài.	Công an tỉnh	Khoa học và công nghệ; các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Quý I/2027	Danh mục bộ trường thông tin dữ liệu gốc, dữ liệu chủ, dữ liệu tham chiếu được ban hành, cập nhật lên Hệ thống từ điển dữ liệu dùng chung và kết nối với CSDLQG về dân cư
2.	Tham gia xây dựng, hoàn thiện và đưa vào sử dụng các CSDL quốc gia, chuyên ngành theo Kế hoạch 02-KH/BCĐTW, Nghị quyết 71/NQ-CP, Nghị quyết 214/NQ-CP-đảm bảo "Đúng, Đủ, Sạch, Sóng, Thống nhất, Dùng chung".	Các sở, ban, ngành, địa phương theo lĩnh vực	Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh	Theo hướng dẫn của các Bộ chủ quản	Đồng bộ dữ liệu về Trung tâm dữ liệu quốc gia.
3.	Triển khai và ứng dụng nền tảng chuỗi khối quốc gia.	Sở Khoa học và công nghệ	Công an tỉnh; các sở, ngành, UBND cấp xã	Theo hướng dẫn của Bộ Công an	Đưa vào vận hành hệ thống
4.	Phối hợp trong việc nghiên cứu xây dựng hệ thống định danh phi tập trung quốc gia.	Công an tỉnh	Các sở, ngành, UBND cấp xã	Theo hướng dẫn của Bộ Công an	Hệ thống được vận hành
5.	Phối hợp trong việc nghiên cứu xây dựng nền tảng quốc gia về định danh, xác thực, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa.	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ; Các sở, ngành, UBND cấp xã	Theo hướng dẫn của Bộ Công an	Hệ thống được vận hành

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả, sản phẩm
6.	Tham mưu Triển khai Đề án tổng thể xây dựng Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ, giai đoạn 2026 – 2030.	Sở Nội vụ	Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ; Các sở, ngành, UBND cấp xã và các đơn vị có liên quan	Sau khi Chính phủ ban hành Đề án	Ban hành văn bản triển khai
7.	Khẩn trương ban hành “Đề án xây dựng Cơ sở dữ liệu về đất đai trên địa bàn tỉnh (điều chỉnh)”. Hoàn thành việc xây dựng Cơ sở dữ liệu đất đai trong phạm vi địa phương, bảo đảm kết nối, tích hợp, liên thông với Cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai và Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đưa vào vận hành trong năm 2026.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bộ Nông nghiệp và Môi trường; UBND cấp xã	Hoàn thành trong tháng 12/2026	Đề án xây dựng Cơ sở dữ liệu về đất đai trên địa bàn tỉnh (điều chỉnh) được phê duyệt.
8.	Các đơn vị xã, phường hoàn thành việc số hóa dữ liệu đất đai phục vụ làm sạch, đồng bộ dữ liệu về Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 11/4/2026, phục vụ kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đưa vào khai thác, giải quyết các TTHC đối với các lĩnh vực liên quan đến đất đai.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bộ Nông nghiệp và Môi trường; UBND xã đã hoàn thành số hóa dữ liệu đất đai	Hoàn thành trước 30/6/2026	Dữ liệu đất đai được làm sạch đạt 100%
<b>VI</b>	<b>Phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành</b>				
1.	Nghiên cứu mô hình quản trị điều hành dựa trên bản sao số trên nền tảng định danh địa điểm.	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh, Các sở, ngành, UBND cấp xã	Tháng 3/2028	Mô hình được triển khai thí điểm.

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả, sản phẩm
2.	Hoàn thiện Trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC) của tỉnh để kết nối, chia sẻ thông tin về Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành.	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh	Tháng 12/2026	Đồng bộ dữ liệu phục vụ chỉ đạo điều hành.
3.	Tham gia xây dựng Khung đánh giá, xếp hạng mức độ chuyên đổi số hàng năm cho các bộ, ngành, địa phương trong đó bổ sung các tiêu chí về mức độ mở dữ liệu, chia sẻ dữ liệu và cung cấp dịch vụ số cho người dân, doanh nghiệp.	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh; Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành, địa phương	Thực hiện thường xuyên	Tham gia ý kiến Bộ Chỉ số đánh giá mức độ chuyên đổi số của các đơn vị.
<b>VII</b>	<b>An sinh xã hội và phục vụ phòng, chống tội phạm, bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội</b>				
1.	Xác thực thông tin thuê bao di động với dữ liệu dân cư, căn cước, tài khoản định danh điện tử để xử lý SIM rác.	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh	Thực hiện thường xuyên	Tất cả các thông tin thuê bao di động được xác thực với cơ sở dữ liệu định danh điện tử quốc gia.
2.	Triển khai hệ thống phục vụ chi trả an sinh xã hội trên nền tảng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử; phổ cập tài khoản an sinh xã hội trên VNeID.	Sở Y tế, Sở Nội vụ, Bảo hiểm xã hội tỉnh	Công an tỉnh, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực 7	Tháng 01/2028	Hệ thống phục vụ chi trả an sinh xã hội trên nền tảng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử đi vào vận hành.
3.	Phối hợp kết nối hệ thống định danh điện tử, hệ thống phục vụ chi trả an sinh xã hội để chi trả lương hưu, bảo hiểm thất nghiệp, các khoản chi trả khác của cơ quan nhà nước đến người dân.	Bảo hiểm xã hội tỉnh; Sở Nội vụ; Sở Y tế	Công an tỉnh	Tháng 02/2027	Hoàn thành kết nối vào thực hiện chi trả.

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả, sản phẩm
4.	Đồng bộ dữ liệu thất nghiệp, dữ liệu việc làm, các nguồn dữ liệu khác về hệ thống cơ sở dữ liệu dân cư phục vụ chi trả an sinh xã hội để phân tích, hoạch định chi trả và phòng chống tội phạm.	Sở Nội vụ	Công an tỉnh, Sở Khoa học và công nghệ	Thực hiện thường xuyên	Kho dữ liệu tổng hợp về an sinh xã hội, việc làm, thất nghiệp phục vụ phân tích, dự báo.
<b>VIII</b>	<b>Bảo đảm an toàn, an ninh hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các hệ thống, nền tảng kết nối</b>				
1.	Phối hợp nghiên cứu, đề xuất triển khai các Trung tâm giám sát an ninh mạng, an ninh dữ liệu gắn với các Trung tâm dữ liệu và hệ thống của cơ quan nhà nước.	Công an tỉnh	Các sở, ngành, UBND cấp xã	Theo hướng dẫn của Bộ Công an	Hệ thống giám sát an ninh mạng đi vào hoạt động
2.	Phối hợp nghiên cứu đề xuất nâng cấp, mở rộng quy mô, phạm vi, năng lực toàn diện cho các giải pháp bảo đảm an ninh mạng tiên tiến, hiện đại tại Trung tâm dữ liệu quốc gia về dân cư, hướng tới đạt chứng chỉ quốc tế ISO 27001.	Công an tỉnh	Các sở, ngành, UBND cấp xã	Theo hướng dẫn của Bộ Công an	Hệ thống tại Trung tâm dữ liệu quốc gia về dân cư được nâng cấp, triển khai đáp ứng
3.	Rà soát, triển khai các giải pháp đảm bảo an ninh mạng, an ninh dữ liệu, bảo mật thiết bị đầu cuối.	Các sở, ngành, UBND cấp xã	Công an tỉnh	Thực hiện thường xuyên	Các hệ thống, thiết bị được rà soát, triển khai đảm bảo
<b>IX</b>	<b>Hợp tác quốc tế</b>				
1.	Tăng cường hợp tác về an toàn thông tin, an ninh mạng, chuyển đổi số để chia sẻ thông tin, kinh nghiệm và công nghệ.	Công an tỉnh	Các đơn vị liên quan	Thường xuyên	Quy chế phối hợp, tổ chức đợt học tập, chia sẻ kinh nghiệm..
<b>X</b>	<b>Thanh tra, kiểm tra, giám sát</b>				

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả, sản phẩm
1.	Thanh tra, kiểm tra việc kết nối, chia sẻ, sử dụng dữ liệu liên quan đến dữ liệu dân cư giữa các sở, ngành, địa phương, đảm bảo sử dụng đúng mục đích và đúng quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo vệ bí mật nhà nước.	Công an tỉnh	Các sở, ngành, UBND cấp xã	Thực hiện thường xuyên	Kế hoạch kiểm tra
2.	Thanh tra công vụ, kiểm tra đối với cán bộ, công chức, viên chức trong giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công.	Sở Nội vụ thực hiện kiểm tra; Thanh tra tỉnh, Công an tỉnh thực hiện thanh tra	Các sở, ngành, UBND cấp xã	Thực hiện thường xuyên	Kế hoạch kiểm tra
3.	Kiểm tra việc kết nối, chia sẻ dữ liệu liên quan đến dữ liệu dân cư giữa các sở, ngành, địa phương, đảm bảo tuân thủ quy định về bảo mật và khai thác dữ liệu.	Sở Nội vụ	Các sở, ngành, UBND cấp xã	Thực hiện thường xuyên	Kế hoạch kiểm tra
4.	Tổ chức thanh tra, kiểm tra, đánh giá công tác bảo đảm an ninh mạng của cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức chủ quản các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trong và ngoài nhà nước có kết nối, khai thác dịch vụ dữ liệu dân cư và định danh - xác thực điện tử.	Công an tỉnh	Các sở, ngành, UBND cấp xã	Thực hiện thường xuyên	Các hệ thống được kiểm tra đảm bảo an ninh, an toàn
5.	Đánh giá mức độ hài lòng trong giải quyết thủ tục hành chính, kiến nghị, phản ánh của người dân, doanh nghiệp trên	Các sở, ngành, UBND cấp xã	Công an tỉnh	Thực hiện thường xuyên	Chỉ số mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả, sản phẩm
	<p>ứng dụng VNeID; cập nhật kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao dựa trên kết quả chấm điểm trên phần mềm theo dõi giám sát Đề án 06 (dean06.vn) để theo dõi, đánh giá.</p>				
6.	<p>Chỉ đạo Công an cấp xã theo dõi, nắm tình hình giải quyết TTHC đối với người dân, doanh nghiệp; kịp thời phát hiện, xử lý các trường hợp tồn đọng, gây phiền hà, nhũng nhiễu, phát sinh phản ánh, khiếu nại, tố cáo về hành vi sai phạm theo quy định.</p>	<p>Công an tỉnh</p>	<p>Các sở, ngành, UBND cấp xã</p>	<p>Thực hiện thường xuyên</p>	<p>Báo cáo kết quả</p>